

QUY CHẾ

Hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán

(Ban hành kèm theo Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011
của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này hướng dẫn công ty chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán.
2. Đối tượng điều chỉnh của Quy chế này là các công ty chứng khoán và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ* là chứng khoán đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế này.
2. *Tài khoản giao dịch ký quỹ* là tài khoản của khách hàng mở tại công ty chứng khoán để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán.
3. *Tài khoản giao dịch thông thường* là tài khoản của khách hàng mở tại công ty chứng khoán để giao dịch chứng khoán nhưng không sử dụng tiền vay của công ty chứng khoán.
4. *Dư nợ ký quỹ* của khách hàng trên tài khoản giao dịch ký quỹ là tổng số tiền khách hàng nợ công ty chứng khoán.
5. *Tài sản thực có* của khách hàng trên tài khoản giao dịch ký quỹ bao gồm tiền mặt, giá trị các chứng khoán được phép ký quỹ trên tài khoản giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường trừ đi dư nợ ký quỹ.
6. *Tỷ lệ ký quỹ ban đầu* là tỷ lệ giữa tài sản thực có (trước khi thực hiện giao dịch) so với giá trị hợp đồng giao dịch (dự kiến thực hiện) tính theo giá thị trường.
7. *Tỷ lệ ký quỹ* là tỷ lệ giữa tài sản thực có so với tổng tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường.
8. *Tỷ lệ ký quỹ duy trì* là tỷ lệ tối thiểu giữa tài sản thực có so với tổng tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường.
9. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

CHƯƠNG II BÁO CÁO THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ

Công ty chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán sau khi báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo tài liệu quy định tại Điều 5 Quy chế này và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo hợp lệ việc thực hiện giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán.

Điều 4. Điều kiện công ty chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ

Công ty chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Được cấp phép thành lập và hoạt động theo pháp luật chứng khoán Việt Nam; được cấp phép hoạt động nghiệp vụ môi giới chứng khoán; là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán;
2. Không có lỗ lũy kế lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ (tính theo báo cáo tài chính có kiểm toán gần nhất nhưng không quá 06 tháng đến thời điểm nộp báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ);
3. Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 6 lần.
4. Tỷ lệ vốn khả dụng theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính là lớn hơn 150% trong vòng ba (03) tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ;
5. Có hệ thống giao dịch phục vụ giao dịch ký quỹ, giám sát tài khoản giao dịch ký quỹ; quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro cho nghiệp vụ giao dịch ký quỹ;
6. Có tối thiểu 2 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán để thực hiện hoạt động giao dịch ký quỹ.

Điều 5. Tài liệu báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ

1. Tài liệu báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ bao gồm:
 - a) Báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy chế này;
 - b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty chứng khoán về việc thực hiện giao dịch ký quỹ;
 - c) Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng đã soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;
 - d) Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 03 tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ;
 - e) Bản thuyết trình hệ thống giao dịch phục vụ giao dịch ký quỹ; Quy trình nghiệp vụ; Quy trình quản lý rủi ro phục vụ giao dịch ký quỹ;
 - f) Quyết định nhân sự và hồ sơ các nhân viên thực hiện giao dịch ký quỹ bao gồm bản sao chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Hợp đồng lao động;
 - g) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thành viên của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
2. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo hợp lệ về việc thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đủ tài liệu báo cáo hợp lệ việc thực hiện giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán.

Điều 6. Ngừng thực hiện nghiệp vụ giao dịch mua ký quỹ

1. Công ty chứng khoán không đảm bảo duy trì một trong các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy chế này, phải ngừng ngay việc ký mới Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, ngừng cho vay vốn để thực hiện giao dịch ký quỹ và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 48 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện trên.

Công ty chứng khoán được phép tiếp tục ký mới Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, cho vay để thực hiện giao dịch ký quỹ, gia hạn khoản vay giao dịch ký quỹ cũ khi cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy chế này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Căn cứ tình hình thị trường, để đảm bảo hoạt động thị trường chứng khoán an toàn, ổn định, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu các công ty chứng khoán ngừng ngay việc ký mới Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ký quỹ, ngừng gia hạn các khoản vay giao dịch ký quỹ đã ký trước đó.

Điều 7. Tự nguyện chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ

1. Công ty chứng khoán muốn chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác và trên trang thông tin điện tử của Công ty chứng khoán và thông báo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc công ty chứng khoán chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ. Kể từ thời điểm công bố thông tin, công ty chứng khoán ngừng ngay việc ký mới Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, cho vay để thực hiện giao dịch ký quỹ, ngừng gia hạn các khoản vay giao dịch ký quỹ trước đó và yêu cầu các khách hàng có liên quan thực hiện thanh lý Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ đang còn hiệu lực theo lộ trình và thời hạn nêu tại bản công bố thông tin của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước việc tắt toán hoạt động giao dịch ký quỹ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ.

3. Tài liệu báo cáo chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:

- a) Báo cáo chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 của Quy chế này;
- b) Báo cáo kết quả thanh lý hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ;
- c) Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của Hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu công ty về việc chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ.

CHƯƠNG III.

TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ VÀ HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Điều 8. Tài khoản giao dịch ký quỹ

1. Khách hàng muốn thực hiện giao dịch ký quỹ phải ký Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với công ty chứng khoán nơi khách hàng có tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường.

2. Tài khoản giao dịch ký quỹ không được mở cho các đối tượng dưới đây:

- a) Là những đối tượng sau trong công ty chứng khoán: cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và những người có liên quan đến các đối tượng trên;
- b) Là pháp nhân đang trong tình trạng giải thể, phá sản theo các quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Các đối tượng vi phạm hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ theo quy định của công ty chứng khoán.

3. Nguyên tắc quản lý tài khoản giao dịch ký quỹ:

- a) Tài khoản giao dịch ký quỹ phải được quản lý tách biệt với tài khoản giao dịch thông thường.

- b) Để mở tài khoản giao dịch ký quỹ, khách hàng phải ký quỹ một khoản tiền tối thiểu 10.000.000 đồng. Mức cụ thể do công ty chứng khoán quy định.
- c) Khách hàng chỉ được sử dụng tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ và các quyền liên quan đến chứng khoán này để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay để thực hiện giao dịch ký quỹ;
- d) Khách hàng phải thanh toán tiền lãi trên khoản dư nợ ký quỹ theo các hình thức cụ thể được thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ;
- e) Khách hàng chỉ được rút tiền trên tài khoản giao dịch ký quỹ sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với công ty chứng khoán hoặc khi trên tài khoản giao dịch ký quỹ có tiền và sau khi rút vẫn phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ ban đầu;
- f) Tiền và chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ là tài sản của khách hàng với đầy đủ các quyền liên quan. Cổ phiếu thưởng, cổ tức và quyền mua phát sinh từ các chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ là tài sản của khách hàng;
- g) Công ty chứng khoán có trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ cho khách hàng về những quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán trong tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng; gửi cho khách hàng bảng sao kê tài khoản giao dịch ký quỹ theo phương thức và thời gian được thỏa thuận bằng văn bản với khách hàng;
- h) Phiếu lệnh giao dịch ký quỹ phải được phân biệt với các loại phiếu lệnh giao dịch chứng khoán thông thường, phải bao gồm đầy đủ các thông tin liên quan đến khách hàng và được khách hàng xác nhận. Việc giao dịch ký quỹ bằng hình thức giao dịch điện tử phải tuân thủ quy định của Quy chế này và các quy định liên quan về giao dịch điện tử. Phiếu lệnh giao dịch ký quỹ là phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ.

Điều 9. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ

1. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ đồng thời là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ.
2. Nội dung Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ do Công ty chứng khoán và khách hàng thỏa thuận nhưng tối thiểu phải bao gồm các nội dung chính sau:
 - a) Thông tin về khách hàng như: họ và tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ liên lạc, thư điện tử, fax (nếu có), số điện thoại liên hệ;
 - b) Mục đích vay: mua chứng khoán ký quỹ;
 - c) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu;
 - d) Tỷ lệ ký quỹ duy trì;
 - e) Thời hạn và phương thức thanh toán theo lệnh yêu cầu bổ sung thế chấp;
 - f) Hạn mức cho vay;
 - g) Lãi suất cho vay;
 - h) Thời hạn hợp đồng, thời điểm hợp đồng có hiệu lực và thời điểm bắt đầu tính lãi cho vay;
 - i) Phương thức xử lý tài sản thế chấp trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng khi khách hàng không thực hiện đúng hợp đồng và thứ tự ưu tiên sử dụng tiền bán chứng khoán thế chấp của khách hàng;
 - j) Quy định bảo vệ quyền lợi của các bên ký hợp đồng;
 - k) Phương thức giải quyết khi có tranh chấp phát sinh;
 - l) Phương thức thanh lý Hợp đồng;

m) Cam kết của khách hàng về việc đã được công ty chứng khoán giải thích rõ về các rủi ro phát sinh khi thực hiện giao dịch trên tài khoản giao dịch ký quỹ.

CHƯƠNG IV CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC PHÉP GIAO DỊCH MUA KÝ QUỸ

Điều 10. Chứng khoán được giao dịch ký quỹ

Chứng khoán đủ điều kiện giao dịch ký quỹ bao gồm: cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán, không bao gồm các chứng khoán đăng ký niêm yết giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom và không thuộc các trường hợp sau:

1. Có thời gian niêm yết dưới 06 tháng tính đến thời điểm công bố danh sách; trường hợp cổ phiếu chuyển sàn niêm yết thì thời gian niêm yết được tính là tổng thời gian niêm yết ở cả hai Sở Giao dịch chứng khoán;
2. Bị đặt trong tình trạng bị tạm ngừng giao dịch, bị đưa vào diện cảnh báo, bị hủy niêm yết, bị đưa vào diện kiểm soát;
3. Kết quả kinh doanh của tổ chức niêm yết chứng khoán là có lỗi căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã kiểm toán hoặc có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán (tùy trường hợp nào gần nhất thời điểm xem xét); Trường hợp tổ chức niêm yết là quỹ đầu tư đại chúng, có tối thiểu một tháng có giá trị tài sản ròng (NAV) tính trên một đơn vị chứng chỉ quỹ nhỏ hơn mệnh giá căn cứ trên báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng hàng tháng xét trong 03 tháng liên tiếp tính đến thời điểm được lựa chọn để giao dịch ký quỹ.

Điều 11. Lựa chọn và công bố danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ

1. Trên cơ sở các điều kiện quy định tại Điều 10 Quy chế này, Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm công bố danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ. Thời gian công bố do Sở giao dịch chứng khoán quyết định.
2. Trên cơ sở danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ do Sở giao dịch chứng khoán công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty chứng khoán lựa chọn danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố công khai danh sách chứng khoán mà công ty thực hiện giao dịch ký quỹ trên website và các địa điểm kinh doanh của công ty chứng khoán.
3. Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm giám sát danh sách chứng khoán được giao dịch ký quỹ mà công ty chứng khoán công bố theo quy định tại Quy chế này.

Điều 12. Hạn chế giao dịch ký quỹ

1. Công ty chứng khoán không được cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ:
 - a) Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư do chính công ty chứng khoán bảo lãnh phát hành trong vòng sáu (06) tháng tính từ khi hoàn tất đợt phát hành.
 - b) Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết sở hữu từ 50% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán và đối với cổ phiếu của công ty niêm yết do công ty chứng khoán sở hữu từ 50% trở lên vốn điều lệ.
 - c) Đối với cổ phiếu của chính công ty chứng khoán phát hành.
 - d) Khi khách hàng không bảo đảm tỷ lệ ký quỹ theo quy định tại Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ và các quy định tại Quy chế này.

2. Trường hợp chứng khoán không còn nằm trong danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán không được thực hiện cho vay mới đối với các chứng khoán này và không được tính chứng khoán này làm tài sản đảm bảo trên tài khoản giao dịch ký quỹ cho các khoản vay mới.

CHƯƠNG V HẠN MỨC CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Điều 13. Hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ

Công ty chứng khoán phải tuân thủ các hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ quy định tại Điều này. Hạn mức vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán nêu tại Điều này được xác định theo Báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất nhưng không quá 06 tháng kể từ thời điểm tính toán.

1. Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
2. Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
3. Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
4. Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

Điều 14. Thời hạn cho vay giao dịch ký quỹ

1. Thời hạn các khoản vay giao dịch ký quỹ do công ty chứng khoán và khách hàng thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ nhưng không quá ba (03) tháng tính từ ngày thực hiện giải ngân khoản vay.
2. Công ty chứng khoán có thể tiếp tục gia hạn thời gian cho vay trên cơ sở văn bản đề nghị của khách hàng nhưng không quá ba (03) tháng.

Điều 15. Lãi suất cho vay và tiền lãi vay

1. Lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa công ty chứng khoán và khách hàng và theo quy định của pháp luật liên quan;
2. Tiền lãi vay giao dịch ký quỹ được tính từ thời điểm công ty chứng khoán giải ngân thanh toán giao dịch ký quỹ cho khách hàng tới khi khách hàng thực hiện tất toán khoản vay.

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ KÝ QUỸ, THẾ CHẤP TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Điều 16. Tỷ lệ ký quỹ

1. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 60%.
2. Tỷ lệ ký quỹ duy trì do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 40%.
3. Căn cứ vào tình hình hoạt động thị trường chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể điều chỉnh tỷ lệ ký quỹ.

Điều 17. Xác định tỷ lệ ký quỹ

1. Công ty chứng khoán có trách nhiệm xác định tỷ lệ ký quỹ duy trì của từng khách hàng vào cuối ngày giao dịch.
2. Giá chứng khoán ký quỹ được xác định theo nguyên tắc sau:

- a) Giá đóng cửa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Giá giao dịch bình quân trong ngày đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 18. Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung

1. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, công ty chứng khoán sẽ phát hành lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi tới khách hàng theo các phương thức liên hệ được thoả thuận trong Hợp đồng mở tài khoản ký quỹ. Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản thế chấp trong thời hạn theo yêu cầu của công ty chứng khoán nhưng không quá ba (03) ngày làm việc.

2. Kể từ khi nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung, khách hàng phải thực hiện việc bổ sung tài sản thế chấp để tối thiểu đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì, mức cụ thể do công ty chứng khoán quy định và việc bổ sung tài sản thế chấp được thực hiện dưới các hình thức sau:

- a) Bổ sung tài sản thế chấp bằng chứng khoán, giá trị chứng khoán ký quỹ bổ sung được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị chứng khoán ký quỹ bổ sung} = \left| \frac{\text{Tỷ lệ ký quỹ} - \text{Tỷ lệ ký quỹ duy trì}}{1 - \text{Tỷ lệ ký quỹ duy trì}} \right| \times \text{Tổng giá trị tài sản trên tài khoản ký quỹ}$$

tính theo giá thị trường

- b) Ký quỹ bổ sung bằng tiền được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền ký quỹ bổ sung} = (\text{tỷ lệ ký quỹ} - \text{tỷ lệ ký quỹ duy trì}) \times \text{Tổng giá trị tài sản trên tài khoản ký quỹ}$$

tính theo giá thị trường

Điều 19. Xử lý tài sản thế chấp

1. Công ty chứng khoán phải bán chứng khoán thế chấp trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

- a) Trường hợp khách hàng không bổ sung hoặc chỉ bổ sung một phần tài sản thế chấp, tùy thuộc vào giá trị tài sản thế chấp cần bổ sung còn lại nhỏ hơn hoặc lớn hơn tổng giá trị chứng khoán có trên tài khoản giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán được thực hiện bán giải chấp một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán ký quỹ;

- b) Trước khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ, công ty chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho khách hàng. Công ty chứng khoán có trách nhiệm gửi cho khách hàng bảng sao kê kết quả giao dịch bán giải chấp chứng khoán ký quỹ.

2. Trường hợp công ty chứng khoán giải chấp toàn bộ chứng khoán có trên tài khoản giao dịch ký quỹ theo yêu cầu của khách hàng hoặc khi thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, khách hàng chỉ được rút phần tiền còn lại (nếu có) từ số tiền bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ sau khi đã khấu trừ dư nợ ký quỹ.

3. Trường hợp tổng tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng sau khi bán giải chấp không đủ bù đắp dư nợ ký quỹ, và khách hàng không thực hiện việc thanh toán phần nợ vay còn lại theo thỏa thuận tại Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán thực hiện việc thu hồi nợ theo phương thức thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ.

CHƯƠNG VII

NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Điều 20. Nghĩa vụ quản lý tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng

1. Công ty chứng khoán phải quản lý tách biệt tiền, chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ với tiền, chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường của khách hàng và tiền, chứng khoán của chính công ty chứng khoán; Công ty chứng khoán không được sử dụng chứng khoán trên tài khoản ký quỹ của khách hàng để làm tài sản thế chấp cho bất kỳ quan hệ nào ngoài quan hệ là tài sản thế chấp cho giao dịch ký quỹ giữa công ty chứng khoán và khách hàng.

2. Tài sản thế chấp trên tài khoản giao dịch ký quỹ là tài sản của khách hàng với đầy đủ các quyền liên quan. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ hạch toán đầy đủ tài sản liên quan đến chứng khoán thế chấp vào tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng bao gồm:

a) Cổ phiếu thường, cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc bằng tiền mặt và các khoản tiền khác được trả cho các chứng khoán có trên tài khoản giao dịch ký quỹ;

b) Số tiền bán chứng khoán thế chấp còn lại sau khi đã thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ đối với công ty chứng khoán.

3. Công ty chứng khoán chỉ được phép thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán thế chấp theo chỉ định của khách hàng, ngoại trừ trường hợp phải bán chứng khoán thế chấp để thu hồi nợ vay.

4. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ công khai thông tin về các điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ bao gồm danh sách chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ, yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung. Các thông tin này phải được niêm yết tại trụ sở chính, các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác của công ty chứng khoán, trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán;

5. Công ty chứng khoán phải lập sổ kế toán, hạch toán riêng từng tài khoản giao dịch ký quỹ, danh mục tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ, tỷ lệ ký quỹ cuối mỗi ngày giao dịch; lưu trữ đủ hồ sơ, phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch trên từng tài khoản giao dịch ký quỹ bao gồm các thông tin hàng ngày về danh mục tài sản ký quỹ, cầm cố, thế chấp trên tài khoản, giá thị trường, tỷ lệ ký quỹ kèm theo các lệnh gọi ký quỹ bổ sung, phiếu lệnh giao dịch ký quỹ.

6. Thông tin về tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng được công ty chứng khoán bảo mật. Công ty chứng khoán không được phép cung cấp thông tin này cho bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của khách hàng.

Điều 21. Nghĩa vụ lưu trữ, báo cáo và công bố thông tin của công ty chứng khoán

1. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ ghi chép đầy đủ, chính xác và lưu giữ các thông tin, số liệu giao dịch mua bán trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng tối thiểu trong vòng năm (05) năm.

2. Trước ngày giao dịch thứ năm của tháng tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi Sở Giao dịch chứng khoán danh sách chứng khoán mà mình thực hiện giao dịch ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 của Quy chế này và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động giao dịch ký quỹ tháng liền trước bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 của Quy chế này.

3. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán về hoạt động giao dịch ký quỹ.

4. Công ty chứng khoán phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác và trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức công bố về việc công ty chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ;
- b) Công ty chứng khoán tạm ngừng giao dịch ký quỹ;
- c) Công ty chứng khoán nộp báo cáo chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ;
- d) Danh sách chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ và các thay đổi nếu có.

CHƯƠNG VIII XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Công ty chứng khoán vi phạm hoặc không thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành và bị áp dụng các biện pháp theo quy định tại Điều này.

2. Công ty chứng khoán bị ngừng giao dịch ký quỹ trong vòng 12 tháng nếu vi phạm các hướng dẫn tại Quy chế này về quản lý tài khoản, hạn mức cho vay, tỷ lệ ký quỹ, loại chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, vi phạm trên ba (03) lần nghĩa vụ báo cáo. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tên công ty chứng khoán vi phạm và thời hạn ngừng cung cấp nghiệp vụ giao dịch ký quỹ.

CHƯƠNG IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Vũ Bằng

Phụ lục số 1. Mẫu Báo cáo thực hiện giao dịch ký quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là :

- Công ty TNHH/cổ phần chứng khoán.....
- Giấy phép thành lập và hoạt động số do..... cấp ngày tháng năm..... tại.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại..... Fax:.....

làm báo cáo này để đăng ký thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 2. Mẫu báo cáo chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO CHẤM DỨT THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là :

- Công ty TNHH/cổ phần chứng khoán.....
- Giấy phép thành lập và hoạt động số do..... cấp ngày tháng năm..... tại.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại..... Fax:.....

Xin báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ chứng khoán kể từ ngày.....

Lý do xin chấm dứt.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm
(Liệt kê đầy đủ)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3: Mẫu báo cáo gửi Sở giao dịch chứng khoán

Công ty chứng khoán....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Số: _____

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán.....

Công ty chứng khoán....xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán.... danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo này cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán.....

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 4: Mẫu báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty chứng khoán....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

Số: _____

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
(Về việc báo cáo Hoạt động giao dịch ký quỹ Tháng....năm...)

TT	Nội dung	Đầu kỳ	Cuối kỳ
1	Số lượng tài khoản giao dịch ký quỹ		
2	Hạn mức tín dụng giao dịch ký quỹ		
3	Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ		
4	Giá trị chứng khoán ký quỹ		
5	5 (năm) mã chứng khoán có số dư nợ lớn nhất		
6	Nguồn vốn tài trợ giao dịch ký quỹ: - Vốn tự có - Vốn vay ngân hàng		
7	Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ: - Tiền lãi - Phí giao dịch - Các khoản thu khác		

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo này, cam kết không vi phạm các hạn mức, hạn chế cho vay và tỷ lệ ký quỹ.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên)

